

Vinh, ngày 6 tháng 12 năm 2010

Số: 1213/2010/HDLN/STC-SCT

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Quyết định số 27/2010/QĐ.UBND ngày 20/4/2010 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Khuyến công tỉnh Nghệ An

Thực hiện Quyết định số 27/2010/QĐ.UBND ngày 20 tháng 4 năm 2010 của UBND tỉnh Nghệ An ban hành "Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Khuyến công tỉnh Nghệ An", Sở Tài chính - Sở Công Thương hướng dẫn cụ thể về nội dung, mức hỗ trợ, hồ sơ, trình tự lập dự toán, chấp hành dự toán, tạm ứng, quyết toán các đề án khuyến công của tỉnh.

Điều 1. Đối tượng được hỗ trợ khuyến công.

1. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh, gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, hoạt động theo luật doanh nghiệp;
- Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo luật HTX;
- Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định hiện hành.

2. Các tổ chức hoạt động dịch vụ khuyến công.

3. Các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ và mức chi.

1. Hỗ trợ lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

Hỗ trợ lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

- Nội dung hỗ trợ: thuê tư vấn lập dự án đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, làng nghề, xử lý môi trường.

- Mức hỗ trợ: 50% chi phí thuê tư vấn, nhưng tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở, hỗ trợ sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư.

2. Hỗ trợ, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới ứng dụng tiên bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất tiếp nhận công nghệ tiên tiến, đáp ứng một trong các yêu cầu:

- Tạo ra sản phẩm mới.
- Tạo ra ngành công nghiệp mới.
- Phát triển ngành nghề truyền thống.

Công nghệ chuyển giao được thực hiện thông qua hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập hoặc phần chuyển giao công nghệ trong dự án hoặc hợp đồng.

Mức hỗ trợ tối đa 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ được chuyển giao nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề.

3.1. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật

Thời gian tập huấn: tối đa là 3 ngày tùy theo tính chất và nội dung của vấn đề cần tập huấn.

Các nội dung được hỗ trợ gồm:

- Tiền thuê hội trường (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); trang trí hội trường, thiết bị phục vụ tổ chức hội nghị;

- Tiền tài liệu cho đại biểu tham dự hội nghị;

- Tiền thuê xe ô tô đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp (nếu nghỉ tập trung);

- Tiền nước uống trong cuộc họp;

- Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê chỗ nghỉ, tiền tàu xe cho đại biểu là khách mời không hưởng lương;

- Chi thuê giảng viên, báo cáo viên; chi phí cho việc đi lại, chỗ nghỉ cho giảng viên (trường hợp không bố trí chỗ nghỉ phải thuê chỗ nghỉ ngoài)

Mức chi cụ thể các nội dung trên theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề

Lao động các địa phương trong độ tuổi lao động (nữ từ 16-55 tuổi; nam từ 16-60 tuổi) có nhu cầu học nghề được hỗ trợ học nghề.

Thời gian học nghề: từ một tháng trở lên, tùy theo nghề;

Quy mô của một lớp học nghề: không quá 35 học viên/01lớp, tùy theo nghề, tùy theo địa phương.

Mức hỗ trợ áp dụng theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Mức hỗ trợ cụ thể hàng năm theo quyết định hiện hành của UBND tỉnh. Các ngành nghề chưa có quy định có thể xem xét áp dụng ngành nghề tương tự.

Nội dung hỗ trợ gồm:

- Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ nghề;

- Thù lao giáo viên, người dạy nghề;

- Hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề;

- Thuê lớp học, thuê thiết bị dạy nghề;

- Hỗ trợ tiền nước uống cho học viên;

- Chi cho công tác quản lý lớp học không quá 5% tổng số kinh phí cho lớp đào tạo.

4. Hỗ trợ tham gia triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước, xây dựng thương hiệu sản phẩm; tổ chức hội chợ.

4.1. Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm.

a. Mỗi cơ sở sản xuất được hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm trong nước, ngoài nước với mức hỗ trợ 50% giá thuê gian hàng.

b. Các tổ chức được UBND tỉnh giao đại diện cho một số ngành hàng của địa phương tham gia hội chợ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề được hỗ trợ 100% chi phí, gồm:

- Chi phí khảo sát.
- Chi phí thuê gian hàng, mặt bằng.
- Trang trí tổng thể, gồm: thiết kế, thiết bị trang trí, bảng hiệu, tờ rơi quảng cáo
- Chi phí vận chuyển hàng trưng bày (2 chiều).
- Tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề địa phương.
- Chi phí đi lại, chỗ nghỉ, phụ cấp công tác phí, tiền làm thêm giờ cho cán bộ tham gia hội chợ.

4.2. Xây dựng và đăng ký thương hiệu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

Hỗ trợ các cơ sở xây dựng thương hiệu, gồm.

- Thiết kế logo và đăng ký nhãn hiệu, kiểu dáng sản phẩm.
- Thiết kế bao bì, nhãn mác các sản phẩm chính.
- Sản xuất thử bao bì, nhãn mác.
- Quảng cáo trên các phương tiện thông tin truyền.

Mức hỗ trợ 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/thương hiệu.

5. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát thị trường trong và ngoài nước; hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề.

5.1. Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát thị trường trong nước:

Hỗ trợ các tổ chức dịch vụ khuyến công và các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát thị trường trong nước. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/đoàn. Nội dung hỗ trợ gồm:

- Thuê phương tiện hoặc chi phí tàu, xe đi lại.
- Tiền thuê chỗ ở.
- Chi phí tổ chức hội thảo, trao đổi kinh nghiệm (nếu có)
- Chi phí khác liên quan.

5.2. Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan học tập, khảo sát thị trường nước ngoài.

- Đối với các cơ sở sản xuất: Hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay.
- Đối với cán bộ, công chức thuộc các tổ chức dịch vụ khuyến công và các cơ quan, tổ chức có hoạt động liên quan đến phát triển công nghiệp, tiểu thủ công

KQ

ng nghiệp và làng nghề, hỗ trợ các nội dung theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài Chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài.

5.3. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn tham gia các hiệp hội ngành nghề cấp huyện, cấp tỉnh, cấp vùng:

Mức hỗ trợ 30% chi phí tham gia thành lập các liên kết, hiệp hội nhưng không quá 15 triệu đồng/hiệp hội hoặc liên kết cấp huyện, 30 triệu đồng/ hiệp hội hoặc liên kết cấp tỉnh.

6. Hỗ trợ thiết kế mới, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng các sản phẩm có giá trị kinh tế cao

Hỗ trợ thiết kế mới, cải tiến mẫu mã, kiểu dáng các sản phẩm có giá trị kinh tế cao: Mức hỗ trợ 50% chi phí thuê tư vấn, chi phí nguyên nhiên vật liệu, nhân công sản xuất thử, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

7. Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: mua sắm máy móc thiết bị phục vụ trực tiếp cho mô hình trình diễn và có tính quyết định đến công nghệ mới hoặc sản phẩm mới; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/mô hình.

Hỗ trợ các cơ sở sản xuất đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập; bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh đầy đủ chuyên thiết bị, tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá là 60 triệu đồng/mô hình.

8. Hỗ trợ mua sắm thiết bị, công cụ sản xuất phục vụ phát triển làng nghề, làng có nghề ở địa bàn khó khăn, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp kém phát triển.

Các làng nghề, làng có nghề nằm trong quy hoạch phát triển làng nghề, làng có nghề đã được UBND tỉnh phê duyệt và thuộc địa bàn sau đây được hỗ trợ 1 lần mua sắm các thiết bị, công cụ phục vụ trực tiếp cho sản xuất. Nội dung hỗ trợ bao gồm mua thiết bị, công cụ và chi phí hướng dẫn vận hành, sử dụng thiết bị, công cụ đã mua.

- Các làng nghề, làng có nghề thuộc các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong và các xã vùng núi cao được hỗ trợ 80% giá trị thiết bị, công cụ nhưng không quá 100 triệu đồng/làng.

- Các làng nghề, làng có nghề thuộc các huyện Con Cuông, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Anh Sơn, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thanh Chương và các xã vùng núi thấp được hỗ trợ 60% giá trị thiết bị, công cụ nhưng không quá 100 triệu đồng/làng.

9. Hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

Hỗ trợ xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, bản tin, ấn phẩm khuyến công, trang web và các hình thức thông tin đại chúng khác.

Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền, cơ quan thông tin đại chúng và các cơ quan thực hiện và các chi phí liên quan trực tiếp để thực hiện các nội dung trên.

10. Chi xây dựng chương trình kế hoạch, kiểm tra đánh giá hoạt động khuyến công; hỗ trợ xây dựng hệ thống khuyến công viên.

10.1. Chi xây dựng chương trình kế hoạch, kiểm tra đánh giá hoạt động khuyến công.

Nội dung chi, gồm:

- Chi phí xăng xe, ngủ nghỉ, công tác phí làm việc với các huyện, thành, thị triển khai, hướng dẫn xây dựng kế hoạch; kiểm tra, đánh giá các đề án khuyến công.
 - Hợp thẩm định kế hoạch, thẩm định dự toán, phê duyệt quyết toán kinh phí khuyến công.
 - Văn phòng phẩm.
 - Mua sắm phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ để phục vụ công tác khuyến công.
- Mức chi: trong mức 3%/ tổng kinh phí khuyến công thực hiện.

10.2. Hỗ trợ xây dựng hệ thống khuyến công viên, công tác viên bao gồm: khảo sát vận động nhân sự tham gia mạng lưới; lập đề án xây dựng mạng lưới; dự thảo điều lệ hoạt động của mạng lưới; tổ chức hội nghị ra mắt mạng lưới; tập huấn đào tạo cộng tác viên. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng mạng lưới cộng tác viên, nhưng tối đa không quá 40 triệu đồng/mạng lưới cấp tỉnh.

11. Chi khen thưởng các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận; khen thưởng các cơ sở sản xuất, làng nghề, các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trong hoạt động khuyến công

Mức thưởng các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận; khen thưởng các cơ sở sản xuất, làng nghề, các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trong hoạt động khuyến công theo quy định hiện hành về công tác khen thưởng và quyết định của UBND tỉnh.

Điều 3. Hồ sơ xin hỗ trợ kinh phí khuyến công.

Hàng năm; chậm nhất vào ngày 30 tháng 10 năm thực hiện (năm hiện tại) các tổ chức thuộc đối tượng nêu ở mục I của bản hướng dẫn này. Có yêu cầu hỗ trợ kinh phí từ Quỹ khuyến công, lập hồ sơ gửi về Sở Công thương, Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, hồ sơ gồm:

- Tờ trình đề nghị xin hỗ trợ kinh phí khuyến công;
- Đề án khuyến công (nội dung chủ yếu của đề án theo điều 8 bản Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khuyến công ban hành theo Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 20/4/2010 của UBND tỉnh Nghệ An);
- Bản cam kết đầu tư đủ kinh phí để thực hiện đề án và chưa nhận được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chi được chương trình khuyến công hỗ trợ.

- Có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền (UBND huyện, thị, thành phố hoặc của ngành quản lý chuyên môn)

- Bản photocopy Giấy phép đăng ký kinh doanh.

Điều 4. Xây dựng dự toán nguồn Quỹ khuyến công.

Căn cứ vào hồ sơ nêu tại Điều 3, Trung tâm khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp kiểm tra, thẩm định, tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ khuyến công báo cáo Sở Công thương. Chậm nhất vào ngày 30/10 năm thực hiện (năm hiện tại), Sở Công thương lập dự toán sử dụng nguồn Quỹ khuyến công cho năm kế hoạch, chi tiết từng nội dung phù hợp với mục tiêu được giao gửi Sở Tài chính. Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Phân bổ và chấp hành dự toán, tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí khuyến công.

1. Phân bổ dự toán.

Căn cứ dự toán được giao, Sở Công thương thực hiện phân bổ kinh phí nguồn Quỹ khuyến công, chi tiết theo đơn vị và nội dung khuyến công trình UBND tỉnh quyết định.

2. Chấp hành dự toán.

Căn cứ vào quyết định phê duyệt dự toán của Sở Công thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An chuyển tạm ứng và quyết toán cho các đơn vị, đơn vị được hỗ trợ thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng nơi giao dịch.

3. Tạm ứng.

Trong quá trình thực hiện việc chấp hành dự toán, để quản lý nguồn hỗ trợ có hiệu quả, căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện đề án, Sở Công thương tạm ứng cho đơn vị nhưng không vượt quá 80% kinh phí hỗ trợ. Số kinh phí hỗ trợ còn lại cấp tiếp cho đơn vị khi hoàn thành xong quyết toán kinh phí của đề án.

Việc chuyển tiền tạm ứng kinh phí khuyến công cho đơn vị được hỗ trợ sau khi đơn vị thực hiện đề án và có quyết định phê duyệt dự toán của Sở Công Thương. Mức tạm ứng theo tiến độ thực hiện đề án nhưng không vượt quá 80% khối lượng công việc hoàn thành.

Hồ sơ đề nghị chuyển tiền tạm ứng gồm:

- Công văn đề nghị tạm ứng kèm theo báo cáo tiến độ thực hiện đề án.
- Quyết định phân công người có đủ năng lực và điều kiện thực hiện đề án.

4. Thanh toán, quyết toán kinh phí khuyến công

Chậm nhất là 15 ngày sau khi thực hiện xong đề án, đơn vị được hỗ trợ gửi đến Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An hồ sơ đề nghị quyết toán gồm:

- Công vấn đề nghị quyết toán
- Quyết định phê duyệt dự toán của Sở Công Thương (bản sao).
- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án khuyến công
- Bảng kê chứng từ, hồ sơ thanh toán kèm theo các chứng từ, hồ sơ liên quan đến việc triển khai đề án.

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An kiểm tra hồ sơ quyết toán. Nội dung kiểm tra gồm:

- Kiểm soát, đối chiếu các khoản chi so với dự toán được duyệt, đảm bảo các khoản chi có trong dự toán đã được duyệt;

- Kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, chứng từ theo quy định đối với từng khoản chi;

- Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước và dự toán được duyệt.

Trường hợp chưa đủ điều kiện quy định, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An thông báo cho đơn vị được hỗ trợ bổ sung hồ sơ. Quá 30 ngày kể từ ngày thông báo mà đơn vị được hỗ trợ chưa đủ thủ tục quyết toán thì Bộ phận quyết toán sẽ thanh toán các khoản chi có hồ sơ, chứng từ hợp lệ. Khoản tạm ứng quá khoản chi được quyết toán, đơn vị phải nộp vào ngân sách nhà nước trong vòng 15 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán.

Trường hợp đủ điều kiện như quy định thì tổ chức quyết toán cho đơn vị trong vòng 15 ngày.

Bộ phận quyết toán kinh phí khuyến công gồm: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, đại diện Sở Công Thương, đại diện Sở Tài chính và đại diện đơn vị được hỗ trợ kinh phí khuyến công.

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An chuyển tiền cho đơn vị trong vòng 10 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán của Sở Công Thương.

Kinh phí khuyến công của năm đến ngày 19 tháng 12 chưa phân bổ hết, căn cứ vào đề nghị của Sở Công Thương, Sở Tài chính xem xét chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục thực hiện.

Đề án khuyến công được thực hiện và quyết toán tối đa trong vòng 1 năm kể từ ngày có quyết định của UBND tỉnh. Quá thời hạn trên mà chưa quyết toán xong thì Trung tâm Khuyến công thông báo đơn vị được hỗ trợ nộp trả kinh phí đã tạm ứng vào Kho bạc nhà nước. Trường hợp đặc biệt Sở Công Thương xem xét đề nghị Sở Tài chính chuyển nguồn sang năm sau, nhưng thời gian quyết toán không được quá 30/6 năm sau.

Điều 6. Thông tin báo cáo

Định kỳ hàng quý và cuối năm Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Nghệ An báo cáo Sở Công Thương và Sở Tài Chính tình hình thực hiện kinh phí khuyến công.

Định kỳ hàng năm Sở Công Thương tổng hợp tình hình thực hiện kinh phí khuyến công báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và đồng gửi Sở Tài chính.



Handwritten signature

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Hướng dẫn này hướng dẫn thực hiện Quyết định số 27/2010/QĐ.UBND của UBND tỉnh Nghệ An và triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 125/2009/TILT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 Liên Bộ Tài chính – Công Thương Quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính, Sở Công Thương để sửa đổi cho phù hợp./.

trai
GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG

ly
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH *ly*



Phan Thanh Tịnh



Lê Xuân Đại

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các ngành, UBND các huyện, TP, TX;
- Phòng Công Thương (Kinh tế) các huyện, TP, TX;
- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PT công nghiệp;
- Lưu: VT (Sở Công Thương, Sở Tài chính).